

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 26/2025/HC-PT
Ngày 13-8-2025
V/v: khiếu kiện quyết
định hành chính, yêu
cầu bồi thường

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: ông Trần Quang Minh;
ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: bà
Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại các điểm cầu trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 204/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 3 năm 2025 về khiếu kiện quyết định hành chính, yêu cầu bồi thường, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 92/2024/HC-ST ngày 28-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1044/2025/QĐ-PT ngày 31-7-2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Thành Đ sinh năm 1968; trú tại: thôn T, xã Y, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Anh T - Công ty luật Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên; đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (kế thừa quyền và nghĩa vụ là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Hưng Yên); đề nghị xét xử vắng mặt.

- Các bà Phan Thu T1, Nguyễn Thị Thanh T2 và anh Nguyễn Tuấn A; đều trú tại: thôn T, xã Y, tỉnh Hưng Yên; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện trình bày: năm 2003 ông có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn Q người cùng thôn T, xã L, thửa đất 175 diện tích 959 m², thửa 176 diện tích 353 m² với số tiền 5.000.000 Đ, hai bên có viết “Giấy nhượng đất” đề ngày 08/01/2003, giấy không có chứng thực của chính quyền địa phương, ông Q không bàn giao cho ông bất cứ giấy tờ gì về hai thửa đất này. Ông được biết nguồn gốc hai thửa đất này do bố ông Q là cụ Đặng Văn B khai hoang từ những năm 1980, khi cụ B già yếu đã cho ông Q, quá trình sử dụng cụ B và ông Q có kê khai quyền sử dụng với Ủy ban nhân dân (UBND) xã L hay không thì ông không biết.

Năm 2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định cưỡng chế số 6583, thì ông mới đi tìm hiểu hồ sơ đất ông Q chuyển nhượng cho ông, được cán bộ Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên cung cấp cho trích lục bản đồ 299, lúc này ông mới biết từ những năm 1980 gia đình cụ B đã kê khai quyền sử dụng thửa đất bán cho ông, thuộc thửa 175 diện tích 720 m² loại đất thổ cư và thửa 176 không có diện tích, loại đất nuôi trồng thủy sản.

Theo bản đồ lập năm 2005 thì diện tích đất ông mua của ông Q thuộc thửa 175 diện tích 959 m² đất ở, thửa 176 diện tích 353 m² đất nuôi trồng thủy sản, đến năm 2015 lập bản đồ Vilap thì hai thửa 175, 176 vẫn giữ nguyên diện tích, loại đất. Lý do tạo thành hai thửa là do mảnh đất ông Q bán có một phần đất ao ở phía ngoài, phần bên trong là đất nền.

Sau khi mua của ông Q chưa bao giờ nhà ông nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, từ năm 2003 đến năm 2014 ông là người trực tiếp nộp thuế đối với hai thửa 175, 176, từ năm 2015 đến nay thôn và xã không thu.

Ngày 02/10/2014 UBND huyện Y ban hành thông báo số 156/TB - UBND thu hồi 761 m² đất nhà của ông để làm cầu Lực Điền, trong đó thu hồi 353 m² tại thửa 176 và 408 m² tại thửa 175. Ngày 02/4/2015 UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi số 1596/QĐ - UBND, nhà ông không được bồi thường đất, chỉ được hỗ trợ cây trồng và tài sản khác trên đất với số tiền 77.000.000 Đ. Gia đình ông có khiếu nại, nhưng không được giải quyết, sau đó ông thấy nhà nước làm cầu thuận tiện cho việc kinh doanh của gia đình, nên ông từ bỏ việc khiếu nại, chấp nhận việc bồi thường trên. UBND huyện thu hồi nhưng không sử dụng hết đất, vẫn còn lại 118 m² ở thửa 176, trong năm 2015 ông đã xây dựng 06 phòng trọ có công trình khép kín.

Ngày 24/8/2016 UBND xã L có lập biên bản vi phạm hành chính, xác định ông xây nhà ở, nhà xưởng trên đất nông nghiệp.

Ngày 25/08/2016 Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định xử phạt VPHC số 98/QĐ-XPVPHC.

Ngày 07/10/2016 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế số 3577/QĐ-CC.

Ngày 21/10/2016 ban hành Thông báo tạm dừng cưỡng chế số 938/TB-UBND.

Trước năm 2000 ông có nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của một số hộ gia đình ở thị trấn Y, vị trí đất liền kề với thửa 175, năm 2022 ông đã san lấp xây dựng dãy nhà trọ, làm mái tôn.

Ngày 08/03/2022 UBND xã L lập biên bản vi phạm hành chính về việc xây dựng các công trình trên đất nông nghiệp. Ngày 11/3/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 884/QĐ-XPVPHC, xử phạt ông 11.000.000 đồng và buộc khắc phục hậu quả, là tháo dỡ trả lại như hiện trạng ban đầu, ông đã nộp phạt 11.000.000 đồng, nhưng ông xác định việc lập biên bản vi phạm hành chính với nhà ông là sai, vì toàn bộ công trình ông xây trên thửa đất ở 175, không xây trên đất nông nghiệp, mặc dù ông nộp tiền phạt nhưng ông không nhất trí quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 31/10/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế số 6583/QĐ-CCXP, để đảm bảo thi hành Quyết định 884/QĐ-XPVPHC.

Ngày 21/10/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế số 6522/QĐ-CCXP để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 98/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2016.

Ông xác định Quyết định cưỡng chế số 6583/QĐ-CCXP là sai vì trong quyết định này cưỡng chế các hạng mục, công trình xây dựng nằm toàn bộ trên thửa 175 là đất ở của nhà ông, còn Quyết định 6522 cưỡng chế các công trình trên đất nông nghiệp là đúng, nên sau khi nhận thì ông đã tự tháo dỡ, ông đề nghị Toà án giải quyết:

Hủy quyết định cưỡng chế số 6583/QĐ-CCXP ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Y; công nhận thửa 175, diện tích 959 m², tờ bản đồ số 16 là đất ở; buộc Chủ tịch UBND huyện phải bồi thường ông số tiền 3.227.444.000 Đ.

2. Người bị kiện - Chủ tịch UBND huyện Y trình bày: nguồn gốc vị trí đất hộ ông Đ sử dụng là do vào khoảng năm 1985 cụ Đặng Văn B ở thôn T, xã L, tăng gia, trồng cây trên phần đất nông nghiệp do UBND xã quản lý, sau đó cụ B cho con trai là ông Đặng Văn Q sử dụng. Ngày 08/01/2003 ông Q chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thành Đ và bà Phạm Thị Th. Năm 2005 lập bản đồ địa chính đất nông nghiệp, thuộc thửa 175, tờ bản đồ số 16, diện tích 959 m², loại đất LNQ và thửa số 176, tờ bản đồ số 16, diện tích 353 m², loại đất TSN, sổ mục kê tạm thời ghi tên người quản lý sử dụng là Nguyễn Văn Đ.

Tại hồ sơ địa chính 299 và năm 1991 thì vị trí đất trên chưa thể hiện trên bản đồ địa chính đất nông nghiệp, không thể hiện trên bản đồ đất thổ cư.

Theo Quyết định số 1596/QĐ - UBND ngày 02/04/2015 của UBND huyện Y, thì ông Nguyễn Thành Đ bị thu hồi 761 m² trong đó có 408 m² ở thửa 175 và 353 m² đất ở thửa 176, hộ ông Đ được hỗ trợ tài sản trên đất 77.000.000 đồng.

Sau thu hồi nhà ông Đ xây dựng các công trình trên đất, nên đã bị lập biên bản vi phạm hành chính và bị xử phạt, cụ thể: Biên bản vi phạm hành chính do UBND xã L lập ngày 24/8/2016; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 98/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2016 của UBND xã L; Quyết định cưỡng chế thi

hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3577/QĐ-CC ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y; Thông báo tạm dừng cưỡng chế số 938/TB-UBND ngày 21/10/2016 của UBND huyện Y; ngày 21/10/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế số 6522/QĐ-CCXP để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 98/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2016.

Năm 2015 lập bản đồ Vilap, diện tích đất còn lại của ông Đ thuộc thửa 312 diện tích 385 m² và thửa 313 diện tích 466 m² đều thuộc loại đất trồng cây lâu năm, diện tích đất ông Đ theo bản đồ năm 2015 tăng do ông Đ có mua và lấn chiếm đất công do UBND xã đứng tên quản lý.

Ngày 08/03/2022 UBND xã L lập biên bản vi phạm hành chính với ông Nguyễn Thành Đ với hành vi xây nhà trọ, làm mái tôn, đua mái hiên, đổ đất, vật liệu thải, đá bẫy đổ bê tông làm sân, trên tổng diện tích vi phạm 673,5 m².

Ngày 11/03/2022 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 884/QĐ-XPHC đối với ông Nguyễn Thành Đ, xử phạt 11.000.000 đồng, buộc ông Nguyễn Thành Đ phải khắc phục hậu quả, khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

Ngày 31/10/2022 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 6583/ QĐ-CCXP cưỡng chế thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính 884, ngày 11/03/2022.

Ngày 01/11/2022 UBND huyện ban hành thông báo về việc thực hiện quyết định cưỡng chế đối với ông Đ và ngày 08/11/2022 đã tổ chức cưỡng chế với nhà ông Đ.

Toàn bộ các thửa 175 và 176 là đất nông nghiệp, không phải đất ở, vị trí thửa 175 và 176 ông Đ xác định theo trích lục bản đồ 299 ông nộp cho Tòa án là đất ở trong làng của gia đình khác, không phải của gia đình cụ Bản, không phải của gia đình ông Q, không phải là các thửa đất đã bị cưỡng chế. Việc lập biên bản vi phạm với ông Đ là đúng quy định, do ông Đ không tự nguyện khắc phục trả lại hiện trạng nên ông ban hành quyết định cưỡng chế là đúng luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, nên ông không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- UBND xã L trình bày: vị trí các thửa 175 diện tích 959 m² đất trồng cây hàng năm và thửa 176 diện tích 353 m² đất nuôi trồng thủy sản, tờ bản đồ số 16 của bản đồ lập năm 2005, không trùng với vị trí thửa 175 diện tích 720 m², loại đất T và thửa 176 không ghi diện tích, ở tờ bản đồ số 6, của bản đồ 299, hai loại đất cũng khác nhau.

Nguồn gốc các thửa 175, 176 do ông Nguyễn Thành Đ nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn Q năm 2003, trước đó cụ Đặng Văn B tặng gia và trồng cây, trong suốt thời gian sử dụng cụ B và ông Q chưa bao giờ kê khai quyền sử dụng các diện tích đất này. Đến năm 2005 lập bản đồ địa chính thì mới có thửa 175 là đất nông nghiệp và thửa 176 đất nuôi trồng thủy sản. Ngày

02/04/2015 UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 1596/QĐ-UBND thu hồi 761 m² đối với nhà ông Đ, trong đó thu hồi 408 m² ở thửa 175 và 353 m² ở thửa 176.

Theo tờ bản đồ số 16, bản đồ lập năm 2015, thửa 312 diện tích 385 m² và thửa 313 diện tích 466 m² đều thuộc loại đất trồng cây lâu năm.

Sau khi thu hồi nhà ông Đ xây dựng các công trình trên đất nông nghiệp do vậy: ngày 24/8/2016 UBND xã L có lập biên bản vi phạm hành chính với ông Đ; ngày 25/08/2016 Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 98/QĐ-XPVPHC; ngày 07/10/2016 Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định cưỡng chế số 3577/QĐ-CC; ngày 21/10/2016 ban hành Thông báo tạm dừng cưỡng chế số 938/TB-UBND; ngày 21/10/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế số 6522/QĐ-CCXP để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 98/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2016.

Năm 2021 - 2022 nhà ông Đ tiếp tục xây nhà trọ, làm mái tôn, đua mái hiên, đổ đất, vật liệu thải, đá bẫy đổ bê tông làm sân, nên ngày 08/3/2022 UBND xã L lập biên bản vi phạm hành chính, do mức xử phạt vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã, do vậy UBND xã đã chuyển hồ sơ vi phạm của nhà ông Đ đến Chủ tịch UBND huyện xử phạt theo thẩm quyền.

Ngày 11/03/2022 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 884/QĐ-XPVC đối với ông Nguyễn Thành Đ.

Ngày 31/10/2022 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định cưỡng chế số 6583/QĐ-CCXP đối với nhà ông Đ.

Ngày 08/11/2022 Chủ tịch UBND huyện đã chỉ đạo cưỡng chế tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm nhà ông Nguyễn Thành Đ.

Đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Ông Đặng Văn Q trình bày: khoảng năm 1985 bố ông có tăng gia đất công gần trạm bơm và có làm ngôi nhà 02 gian cùng bếp, khi ông lấy vợ thì bố mẹ cho vợ chồng ông ra sinh sống, quá trình sử dụng bố ông và ông không đăng ký kê khai quyền sử dụng, ông Đ canh tác ruộng liền kề với nhà ông, năm 2003 vợ chồng chuyển nhượng toàn bộ đất cho ông Đ.

Kết quả xác minh và thẩm định:

Thửa đất số 175 diện tích 959 m² và thửa 176 diện tích 353 m² thuộc tờ bản đồ số 16, bản đồ lập năm 2005, vị trí thuộc bản đồ đất nông nghiệp. Trước năm 2005 vị trí hai thửa đất trên chưa thể hiện trên bản đồ. Năm 2014 UBND huyện đã thu hồi 353 m² tại thửa 176 và 408 m² tại thửa 175. Đến bản đồ năm 2015 tờ bản đồ số 16 diện tích còn lại thuộc thửa 312 diện tích 385 m² và thửa 313 diện tích 466 m² đều thuộc loại đất trồng cây lâu năm do ông Nguyễn Thành Đ đứng tên quyền sử dụng.

Thửa 175, diện tích 720 m², loại đất T và thửa 176 không thể hiện diện

tích, thuộc tờ bản đồ số 06, bản đồ 299 (bản đồ lập năm 1982), vị trí thuộc bản đồ đất ở. Đến bản đồ năm 1991, hai thửa này thuộc tờ bản đồ số 13, thửa 175 được chia tách thành thửa 425 diện tích 200 m² loại đất T và thửa 426 diện tích 199 m² loại đất A, theo sổ mục kê thì chủ sử dụng ghi tên Độ, lý do giảm diện tích tách thửa và tách đất làm ngõ đi. Đến bản đồ năm 2005 và chỉnh lý năm 2015 thuộc tờ bản đồ số 21, được chia thành: thửa 58 diện tích 151 m², loại đất ONT, chủ sử dụng Nguyễn Thị S, thửa 59 diện tích 167 m², loại đất ONT, chủ sử dụng ông Nguyễn Văn T, thửa đất số 60 diện tích 178 m² loại đất ONT, chủ sử dụng bà Nguyễn Thị M.

Tại Bản án số 92/2024/HC-ST ngày 28-9-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã căn cứ các điều 3; 5; 30; 32; 115; điểm a khoản 1 Điều 116; khoản 3 Điều 135; khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; các điều 38; 58; 73; 85; 86; 87 và 88 Luật xử lý hành chính; quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ, yêu cầu huỷ Quyết định cưỡng chế số 6583/QĐ - CCXP ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Y; công nhận thửa 175, tờ bản đồ số 16 diện tích 959 m² là đất ở; yêu cầu Chủ tịch UBND huyện phải bồi thường 3.227.444.000 Đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí sơ thẩm theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thành Đ kháng cáo không Đ ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Ông Đ và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án; đề nghị chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội (Viện phúc thẩm 1) có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, bảo đảm thời hiệu khởi kiện theo quy định.

[2]. Về nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành Đ giao nộp Bản phô tô của bản đồ do cán bộ Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên cung cấp cho ông Đ, trên bản phô tô này có các thửa 175, 176, ông Đ xác định phô tô từ

bản đồ 299. Đối chiếu tờ bản đồ số 06 (bản đồ 299) lưu tại UBND xã L, thì tài liệu do cán bộ Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên cung cấp cho ông Đ chính là phô tô từ tờ bản đồ số 06 (bản đồ 299), là bản đồ đất thổ cư.

Ông Đ xác định thửa 175, 176 trên bản đồ 299 ông giao nộp chính là vị trí đất ông nhận chuyển nhượng của ông Q năm 2003. Xét thấy tại Công văn số 347/VPĐKĐĐ ngày 23/08/2024 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên xác định, do không có sổ mục kê, nên không xác định chủ sử dụng hai thửa đất trên, ngoài tờ phô tô bản đồ 299 thì ông Đ không giao nộp được tài liệu chứng cứ nào để xác định chủ sử dụng thửa 175, 176 ở tờ bản đồ 06 bản đồ 299. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ cho rằng, những người xung quanh nhà ông đều xác nhận cho ông vị trí thửa đất số 175, 176 ở bản đồ 299 chính là thửa 175, 176 ở bản đồ lập năm 2005, nhưng ông Đ không xác định được vị trí thửa 175, 176 ở bản đồ 299 thì thuộc thửa nào ở bản đồ lập năm 1991. Tại bản đồ lập năm 1991, thửa 175 ở bản đồ 299 được chia tách thành thửa 425 và 426 chủ sử dụng ghi tên Độ, đến bản đồ năm 2005, bản đồ chỉnh lý năm 2015 thuộc 58 chủ sử dụng Nguyễn Thị S, thửa 59 chủ sử dụng ông Nguyễn Văn T và thửa 60 chủ sử dụng bà Nguyễn Thị M, nội dung này phù hợp với lời khai của ông Đặng Văn Q xác định trước khi chuyển nhượng cho ông Đ thì bố ông và ông không kê khai quyền sử dụng, mặt khác chính lời khai của ông Đ ngày 15/05/2004 xác định ông nhận chuyển nhượng của ông Q năm 2003 đến năm 2005 do đặc lập bản đồ mới thể hiện là thửa 175 và 176, lời khai của ông Đ phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án thể hiện trước năm 2005 vị trí đất ông Q chuyển nhượng cho ông Đ chưa thể hiện trên bản đồ, đến năm 2005 thể hiện trên tờ bản đồ đất nông nghiệp, tờ số 16. Nên có căn cứ xác định diện tích đất ông Q chuyển nhượng cho ông Đ năm 2003, đến năm 2005 mới thể hiện trên bản đồ, vị trí thửa 175, 176 tại bản đồ đất nông nghiệp lập năm 2005, không trùng với vị trí thửa 175, 176 tờ bản đồ số 06, bản đồ 299 đất ở.

Đối với yêu cầu xác định thửa 175 là đất thổ cư: năm 2005 lập bản đồ, vị trí đất ông Nguyễn Thành Đ mua của ông Q mới thể lập thửa ở tờ bản đồ số 16, thuộc thửa 175 với diện tích 959 m² thửa 176 diện tích 353 m² tại các lời khai ông Đ xác nhận năm 2005 ông kê khai và lập thành hai thửa đất trên, lý do lập thành hai thửa vì đất mua của ông Q phần bên ngoài là đất ao, bên trong là đất nền. Năm 2014 UBND huyện đã thu hồi 353 m² tại thửa 176 và 408 m² tại thửa 175 nhà ông Đ chỉ được hỗ trợ tài sản trên đất với số tiền 77.000.000 Đ.

Ông Đ cho rằng do nhà cụ B ra khai hoang từ năm 1980 đã xây 02 gian nhà trên đất, nên theo Điều 57 Luật Đất đai năm 2013 phải được xác định là đất ở, xét thấy vị trí đất cụ B khai hoang dọc bờ mương trạm bơm, thuộc địa hạt quản lý của UBND xã L nhưng người dân thị trấn Trai Trang xâm canh, thuộc khu vực đất nông nghiệp, năm 2005 thể hiện trên bản đồ đất nông nghiệp, không phải bản đồ đất thổ cư, do vậy việc cụ B khai hoang đối với đất nông nghiệp đến ông Q và ông Đ sử dụng, thì chỉ được sử dụng vào mục đích nông nghiệp, không được sử dụng vào mục đích đất ở khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng, mặc dù trước đó nhà cụ B có làm

hai gian nhà trên đất, những người xung quanh đều xác nhận, các nội dung này không phải là căn cứ để xác lập quyền sử dụng đất ở, mặt khác vị trí khu đất tăng gia thuộc quản lý đất nông nghiệp, nên yêu cầu của ông Đ không có căn cứ. Ngoài ra, theo bản đồ năm 2015 diện tích của ông Đ thuộc thửa Thửa 312 diện tích 385 m² và thửa 313 diện tích 466 m² đều thuộc loại đất trồng cây lâu năm, ông Đ xác định từ khi sử dụng năm 2003 đến nay chưa khi nào ông nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các diện tích này.

Đối với yêu cầu huỷ Quyết định 6583/QĐ-CCXP ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Y. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không có ý kiến gì về thủ tục, trình tự ban hành quyết định, lý do ông yêu cầu huỷ do quyết định này đã cưỡng chế tài sản trên đất thổ cư của ông, tuy nhiên, xét thấy đối với thửa 175, 176 trên bản đồ 299, không phải vị trí đất ông Q bán cho ông Đ, đến bản đồ lập năm 2005 vị trí đất ông Q bán cho ông Đ mới thể hiện trên bản đồ đất nông nghiệp.

Ngày 08/3/2022 UBND xã L có lập biên bản vi phạm hành chính số 19 đối với ông Nguyễn Thành Đ vì ông đã có hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, xây dựng nhà lợp mái tôn, đua mái tôn tại khu nhà trọ, đổ đất, vật liệu chất thải như đá bẫy, bê tông làm sân, tổng diện tích vi phạm là 673,5 m². Diện tích 673,5 m² thuộc địa hạt của xã L, do vậy UBND xã L lập biên bản vi phạm hành chính là đúng quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính, hành vi này của ông Đ vi phạm khoản 3 Điều 9 và điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ - CP ngày 19/11/2019, vi phạm này của ông Đ có mức phạt trên 5.0000.000 Đ, do vậy không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND xã L.

Ngày 11/3/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 884/QĐ - XPHC, xử phạt ông Đ 11.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm. Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định 884 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ông Đ cho rằng khi nhận được quyết định cưỡng chế, các công trình trên đất nông nghiệp ông đã tự tháo dỡ, còn các công trình trên thửa 175 là đất thổ cư việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với các công trình xây trên đất thổ cư là sai, dẫn đến quyết định xử phạt hành chính sai. Xét thấy theo bản đồ lập năm 2005, thửa 175 diện tích 959 m² loại đất nông nghiệp, thửa 176 diện tích 353 m² loại đất nuôi trồng thủy sản, hai thửa đất này năm 2005 thể hiện trên bản đồ và thuộc bản đồ đất nông nghiệp, ông Đ cho rằng hai thửa này thuộc đất ở, nhưng ông không xuất trình được tài liệu nào chứng minh là đất ở, đối với bản đồ số 299, thì thửa 175 và 176 không thuộc quyền sử dụng của cụ Bản và ông Q, hiện nay gia đình bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M đang sinh sống trên các diện tích đất này, không phải gia đình ông Đ, nên ý kiến của ông Đ không có căn cứ.

Sau khi lập biên bản hành chính thì ngày 12/03/2022 cán bộ UBND xã L đã giao quyết định xử phạt cho ông Đ, ông Đ đã nộp phạt 11.000.000 Đ, do ông Đ không tự giác tháo dỡ các công trình vi phạm để khôi phục lại tình trạng ban đầu, nên ngày 31/10/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định cưỡng

chế số 6583/QĐ-CCXP, để thi hành quyết định xử phạt 884 là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính, sau khi ban hành cưỡng chế ngày 08/11/2022 UBND huyện đã tổ chức cưỡng chế thi hành QĐ 6583 là đúng quy định. Mặt khác việc cưỡng chế nhà xưởng hai tầng trên thửa đất 175 là thực hiện theo Quyết định cưỡng chế số 6522/QĐ-CCXP ngày 21/10/2022, không phải thực hiện theo Quyết định cưỡng chế số 6583. Quyết định 6522 Chủ tịch huyện ban hành đúng thẩm quyền, đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt hành chính số 98/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2016. Xét thấy các thửa 175, 176 bản đồ lập năm 2005, thửa 312, 313 bản đồ lập năm 2015 đều là đất nông nghiệp, không phải là đất ở, nên việc ông Đ xây dựng nhà xưởng và các công trình trên đất là sai mục đích, do vậy các quyết định xử phạt hành chính và quyết định cưỡng chế 6522, 6583 là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 3.227.444.000 đồng: các công trình của ông Đ xây dựng trên đất nông nghiệp nên bị lập biên bản vi phạm hành chính và bị xử phạt hành chính là đúng quy định, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển đổi, ông Đ không tự nguyện tháo dỡ các công trình vi phạm trên đất không phải là đất ở, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế 6522, 6583 là đúng pháp luật, ông Đ yêu cầu bồi thường các công trình bị tháo dỡ nêu trên là không đúng.

Với các lý do trên xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

[3]. Ông Đ phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Thành Đ và giữ nguyên quyết định của Bản án số 92/2024/HC-ST ngày 28-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Đ phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận ông Đ đã nộp khoản tiền này vào ngày 22-10-2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện phúc thẩm 1;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

